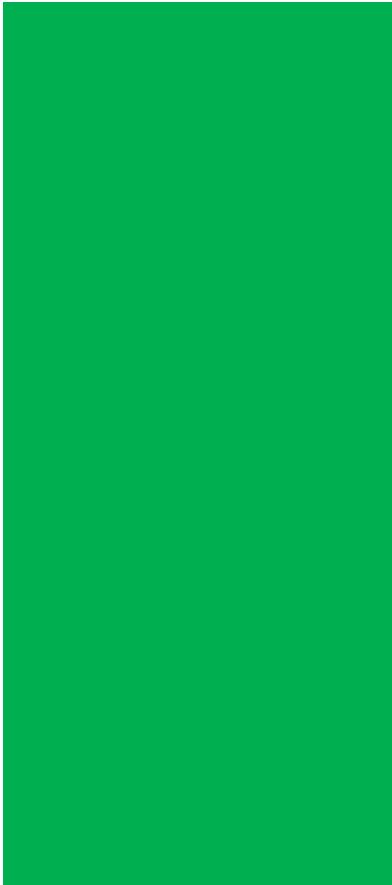


PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP ĐÔ THỊ DU LỊCH SINH THÁI, SÂN GỖN KHOÀI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN
TRÊN ĐỊA BÀN THÔN TRUNG CHÂU, XÃ KHOÀI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: 771/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Khoài Châu)

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi								Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BBXD nguồn gốc đất									Đơn giá (đ/m2)	Kinh phí bồi thường về đất (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000)	Kinh phí hỗ trợ ăn đói sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)		
		Từ BD	Thửa	Diện Tích theo TBTH	Loại đất	Diện tích tiêu chuẩn tại thửa (m2)	Diện tích đất công ích của xã (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21,0	22	24	25	26	27-26*18
XOM 5																									
1	Bùi Văn Hải; Nguyễn Thị Thủy	62	4	1386,3	BHK	1.386,8	-0,5	1.386,8	1.778,2	78%	12	11	80.000	110.944.000	332.832.000	67.320.000	511.096.000	1. Nhân giống 2. Giếng khoan	đồng/m² Giếng	1.386,8 2	180.000 0	100% 0	249.624.000 0	249.624.000	760.720.000
2	Đinh Thị Duyên (Đã Đình Thoa làm ruộng)	62	3	1021,4	BHK	1.022	-0,6	1.022	1.022,0	100%	12	5	80.000	81.760.000	245.280.000	30.600.000	357.640.000	1. Nhân giống 2. Giếng khoan	đồng/m² Giếng	1.022,0 1,0	180.000 0	100% 0	183.960.000 0	183.960.000	541.600.000
3	Đỗ Bà Phương	62	565	970,5	BHK	970,7	-0,2	970,7	970,7	100%	12	2	80.000	77.656.000	232.968.000	12.240.000	322.864.000	1. Nhân DK góc > 30cm (Cây trồng chính) - Trong mặt đất 2. Bùn DK góc 8cm ≤ DK ≤ 12cm (Cây trồng xen) - Trong mặt đất 3. Nhà 1 tầng bán kiên cố, tường chịu lực xây gạch 110, nền lát vữa XM, trần tường và quét vôi v. Mái lợp fibroximăng. Chiều cao tầng từ 3,1m ≤ h < 3,2m 4. Lưới B40 có khung thép 5. Công lưới B40 có khung thép 6. Giếng khoan	đồng/cây đồng/cây đồng/cây đồng/cây m² m² Giếng	30 30 5 5 180 3,6 1	0 4.500.000 0 1.800.000 0 0 0	100% 100% 50% 0% 0% 0% 0%	0 135.000.000 0 4.500.000 0 0 0	139.500.000	462.364.000
4	Đỗ Đình Hùng, Văn Thị Đông	62	45	725,1	BHK	720	5,1	720	720	100%	12	4	80.000	103.680.000	311.040.000	24.480.000	439.200.000	1. Nhân giống 2. Nhân DK góc > 30cm (cây trồng chính) - Trong mặt đất 3. Nhân DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng chính) - Trong mặt đất 4. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen) - Trong mặt đất	đồng/m² đồng/cây đồng/cây đồng/cây đồng/cây đồng/khóm đồng/khóm	360,0 9 9 3 3 30,0 30,0	180.000 0 4.500.000 0 3.850.000 0 200.000	100% 100% 100% 100% 50% 0 100%	64.800.000 0 40.500.000 0 11.550.000 0 3.000.000	119.850.000	674.250.000
5	Đỗ Đình Hùng, Hồ Thị Ngân	62	388	215,8	BHK	216	-0,2	216	2.521	61%	12	7	80.000	201.680.000	605.040.000	42.840.000	849.560.000	1. Hoa lily 1. Nhân DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm - Trong mặt đất - Vượt mặt đất ≤30% 1. Nhân DK góc > 30cm 2. Nhân DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm - Trong mặt đất - Vượt mặt đất ≤30% 3.Giếng khoan 1. Nhân DK góc > 30cm - Trong mặt đất 2. Nhân DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm - Trong mặt đất 1. Nhân DK góc > 30cm - Trong mặt đất 2. Nhân DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm - Vượt mặt đất≤30% - Vượt mặt đất>30% 1. Nhân DK góc > 30cm - Trong mặt đất - Vượt mặt đất≤30% Nhân DK góc > 30cm - Trong mặt đất	đồng/m² đồng/cây						

Ý kiến



STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí (đồng)							
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHXĐ nguồn gốc đất								Đơn giá					Đơn vị tính													
		Từ BD	Thửa	Diện Tích theo TĐTH	Loại đất	Diện tích tiêu chuẩn tại thửa (m2)	Diện tích đất công ích của xã (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Đơn giá (đ/m2)	Kinh phí bồi thường về đất (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000)	Kinh phí hỗ trợ ăn đói sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)		Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)					
9	Đỗ Khắc Hậu, Đỗ Thị Sáng	62	146	2162,6	BHK	2.149,2	13,4	2.149,2	2.149,2	100%	12	9	80.000	171.936.000	515.808.000	55.080.000	742.824.000	Giếng khoan	Giếng	1		0%	0							
																		1. Hoa lily	đồng/m²	1800	200.000	100%	360.000.000							
																		2. Nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	12			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	12	3.850.000	100%	46.200.000							
																		3. Mít DK góc 15cm < DK ≤ 25cm (cây trồng xen)	đồng/cây	4			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	4	1.500.000	50%	3.000.000							
																		4. Cột bê tông, trát vữa XM, quét vôi vè	m²	0,45		0%	0							
																		5. Bê nước dáy đổ BTCT, thành xây gạch, không có nắp dáy BTCT	m²	4		0%	0							
																		6. Cổng sắt	m²	5,4		0%	0							
																		7. Giếng khoan	Giếng	1,0		0%	0							
10	Đỗ Khắc Phúc, Đỗ Thị Hạnh	62	59	1808	BHK	1684	124	1684	1684	100%	12	6	80.000	134.720.000	404.160.000	36.720.000	575.600.000	1. Nhân giống	đồng/m²	1.080,0	180.000	100%	194.400.000							
																		2. Nhãn DK góc > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	14	4.500.000	100%	63.000.000							
																		- Trong mặt đất												
																		3. Bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	20			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	20	2.500.000	50%	25.000.000							
11	Đỗ Đình Hoàng; Nguyễn Thị Nhung	62	300	480,1	BHK	480		480	480	100%	12	3	80.000	38.400.000	115.200.000	18.360.000	171.960.000	1. Cam DK góc 8cm ≤ DK ≤ 12cm (cây trồng chính)	đồng/cây	20			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	20	1.500.000	100%	30.000.000							
																		2. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	135										
																		- Trong mặt đất	đồng/khóm	120	200.000	50%	12.000.000							
																		- Vượt mặt đất	đồng/khóm	15	200.000	0%	0							
12	Đỗ Thị Mâu	64	10	1676,1	BHK	1.624,3	51,8	1.624,3	1.624,3	100%	12	4	80.000	129.944.000	389.832.000	24.480.000	544.256.000	1. Hoa lily	đồng/m²	1260	200.000	100%	252.000.000							
																		2. Nhân DK góc > 30cm	đồng/cây	5	4.500.000	100%	22.500.000							
																		3.Giếng khoan	Giếng	1,0		0%	0							
																		4. Hàng rào xung quanh bằng dây thép gai	m²	255,0		0%	0							
13	Đỗ Thị Mâu (chết) (Đỗ Văn Hùng (Cương) là con nhân thân kế	64	18	342	BHK	331,2	10,8	331,2	331,2	100%	12		80.000	26.496.000	79.488.000	0	105.984.000	1. Nhân DK góc > 30cm	đồng/cây	10			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	10	4.500.000	100%	45.000.000							
																		2. Bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm	đồng/cây	15,0			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	15,0	2.500.000	50%	18.750.000							
																		3. Cây dong xen cạnh	đồng/m²	180,0	12.500	100%	2.250.000							
14	Đỗ Trọng Tấn	62	64	285,6	BHK	279	6,6	279	279	100%	12	5	80.000	22.320.000	66.960.000	30.600.000	119.880.000	Nhân giống	đồng/m²	279,0	180.000	100%	50.220.000							
15	Đỗ Văn Vinh, Lê Thị Mùng	64	5	1479,1	TSN	1.353,6	125,5	1.353,6	1.353,6	100%	12	7	80.000	108.288.000	324.864.000	42.840.000	475.992.000	1. Nhân DK góc > 30cm (Cây trồng chính)	đồng/cây	20			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	20	4.500.000	100%	90.000.000							
																		2. Bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	20			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	20	2.500.000	50%	25.000.000							
																		3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	90			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/khóm	90	200.000	50%	9.000.000							
																		4. Khóm chuối không có buồng (cây trồng xen)	đồng/khóm	40			0							
																		- Trong mặt đất	đồng/khóm	40	150.000	50%	3.000.000							
																		5.Giếng khoan	Giếng	1		0%	0							
																		6. Nuôi cá rô đồng (từ khi thả đến dưới 2 tháng)	m²	360,0	97.000	100%	34.920.000							
																		7. Kê bờ ao	m²	108,0		0%	0							
																		8. Lưới B40 có khung thép	m²	76,0		0%	0							
16	Nguyễn Đức Lung	62	41	418,4	BHK	360	58,4	360	360	100%	12	7	80.000	28.800.000	86.400.000	42.840.000	158.040.000	1. Nhân DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	20										
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	14	3.850.000	100%	53.900.000							
																		- Vượt mặt độ<30%	đồng/cây	2	3.850.000	30%	2.310.000							
																		- Vượt mặt độ>30%	đồng/cây	4	3.850.000	0%	0							
																		2. Bưởi DK góc từ 20 cm trở lên (cây trồng xen)	đồng/cây	20										
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	5	3.000.000	30%	4.500.000							
																		- Vượt mặt độ>30%	đồng/cây	15,0	3.000.000	0%	0							
17	Đỗ Thị Nga (Bãi Văn Quyết làm ruộng)	64	23	312,8	BHK	310	2,8	310	310	100%	12	1	80.000	24.800.000	74.400.000	6.120.000	105.320.000	1. Bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm	đồng/cây	28										
																		- Trong mặt đất	đồng/cây	16	2.500.000	100%	40.000.000							
																		- Vượt mặt độ>30%	đồng/cây	5	2.500.000	50%	6.250.000							
																		- Vượt mặt độ>30%	đồng/cây	7	1.920.000	0%	0							

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí (đồng)													
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHXĐ nguồn gốc đất								Đơn giá (đ/m ²)	Kinh phí bồi thường về đất (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000)	Kinh phí hỗ trợ ăn đói sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)												
		Từ BD	Thửa	Diện Tích theo TBTH	Loại đất	Diện tích tiêu chuẩn tại thửa (m ²)	Diện tích đất công ích của xã (m ²)	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)																	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)											
18	Nguyễn Đức Vũ, Đỗ Thị Nga	62	33	1754,8	BHK	1754,6	0,2	1754,6	1754,6	100%	12	6	80.000	140.368.000	421.104.000	36.720.000	598.192.000	1. Nhân giống	đồng/m ²	1.260,0	180.000	100%	226.800.000	292.750.000	890.942.000											
																	2. Bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng chính)	đồng/cây	27																	
																	- Trong mặt đỏ	đồng/cây	25	2.500.000	100%	62.500.000														
																	- Vượt mặt đỏ>30%	đồng/cây	1	2.500.000	30%	750.000														
																	- Vượt mặt đỏ≤30%	đồng/cây	1	2.500.000	0%	0														
																	3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	30			0														
																	- Trong mặt đỏ	đồng/khóm	30	200.000	30%	1.800.000														
																	4. Khóm chuối không có buồng (cây trồng xen)	đồng/khóm	20			0														
																	- Trong mặt đỏ	đồng/khóm	20	150.000	30%	900.000														
19	Nguyễn Thị Phư (chết) Đỗ Trọng Quang, Đỗ Thị Sáu thừa kế	62	49	369,7	BHK	350,8	18,9	350,8	1.173,6	65,6%	6	2	80.000	61.632.000	184.896.000	6.120.000	252.648.000	1. Nhân DK góc > 30cm	đồng/cây	14	4.500.000	100%	63.000.000	141.750.000	394.398.000											
																												1. Nhân DK góc > 30cm	đồng/cây	18						
																												- Trong mặt đỏ	đồng/cây	17	4.500.000	100%	76.500.000			
																												- Vượt mặt đỏ>30%	đồng/cây	1	4.500.000	50%	2.250.000			
																	- Vượt mặt đỏ≤30%	đồng/cây	0	4.500.000	0%	0														
20	Đỗ Thị Tho	62	35	504,6	BHK	435,6	69,0	435,6	435,6	100%	12	1	80.000	34.848.000	104.544.000	6.120.000	145.512.000	Nhân giống	đồng/m ²	435,6	180.000	100%	78.408.000	78.408.000	223.920.000											
21	Đỗ Đình Tâm	62	37	418,2	BHK	360	58,2	360	360	100%	12	2	80.000	28.800.000	86.400.000	12.240.000	127.440.000	Nhân giống	đồng/m ²	360,0	180.000	100%	64.800.000	64.800.000	192.240.000											
22	Đỗ Đình Quyền (chết); Đỗ Thị Xuân	62	39	360	BHK	360	0,0	360	360	100%	12	1	80.000	28.800.000	86.400.000	6.120.000	121.320.000	Nhân DK góc > 30cm	đồng/cây	14	4.500.000	100%	63.000.000	63.000.000	184.320.000											
23	Đỗ Đình Luyện	62	38	373,6	BHK	360	13,6	360	360	100%	12	8	80.000	28.800.000	86.400.000	48.960.000	164.160.000	Nhân giống	đồng/m ²	360,0	180.000	100%	64.800.000	64.800.000	228.960.000											
XÓM 6																																				
24	Bùi Văn Vinh, Đỗ Thị Thoa (nhân chuyển nhượng của Bùi Thị Gái (chết) đã sang số)	62	244	404,1	BHK	360,0	44,1	720	720	100,0%	12	5	80.000	57.600.000	172.800.000	30.600.000	261.000.000	1. Cây nhân DK góc 20cm ≤ DK ≤30cm	đồng/cây	11				110.650.000	371.650.000											
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	11	3.850.000	100%	42.350.000													
																		2. Cây bưởi DK góc 8cm ≤ DK <12cm (cây trồng xen)	đồng/cây	10																
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	10	1.800.000	50%	9.000.000													
																		3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	25																
																		- Trong mặt đỏ	đồng/khóm	25	200.000	50%	2.500.000													
	Bùi Văn Vinh, Đỗ Thị Thoa	62	243	404,4	BHK	360,0	44,4																						1. Cây nhân DK góc 20cm ≤ DK ≤30cm	đồng/cây	12					
																													- Trong mặt đỏ	đồng/cây	12	3.850.000	100%	46.200.000		
																													2. Cây bưởi DK góc 8cm ≤ DK <12cm (cây trồng xen)	đồng/cây	9					
																													- Trong mặt đỏ	đồng/cây	9	1.800.000	50%	8.100.000		
																													3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	25					
																													- Trong mặt đỏ	đồng/khóm	25	200.000	50%	2.500.000		
25	Đỗ Thị Tho	62	235	1555	BHK	1.555,0	0,0	1.699,0	1.699,0	100,0%	12	3	80.000	135.920.000	407.760.000	18.360.000	562.040.000	Tường rào xây gạch bó trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi ve, cao ≤ 2,5m	đồng/m ²	80		0%	0	282.150.000	844.190.000											
																		1. Cây nhân DK góc > 30cm	đồng/cây	42			0													
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	42	4.500.000	100%	189.000.000													
																		2. Cây nhân DK góc 20cm ≤ DK ≤30cm	đồng/cây	10			0													
		64	733	144	BHK	144,0	0,0																					- Trong mặt đỏ	đồng/cây	10	3.850.000	100%	38.500.000			
																												3. Cây bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	25			0			
																												- Trong mặt đỏ	đồng/cây	25	2.500.000	50%	31.250.000			
																												4. Giếng khoan	Giếng	1		0%	0			
26	Đỗ Trọng Hưng (nhân chuyển nhượng của Bùi Văn Chiến, Đỗ Thị Thu đã sang số)	64	59	1010,7	BHK	972,0	38,7	972	972,0	100,0%	12	4	80.000	77.760.000	233.280.000	24.480.000	335.520.000	1. Nhân giống	đồng/m ²	130	180.000	100%	23.400.000	147.000.000	482.520.000											
																		1. Cây bưởi DK góc từ >20cm	đồng/cây	50																
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	48	3.000.000	100%	144.000.000													
																		- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	2	3.000.000	50%	3.000.000													
																		2. Giếng khoan	Giếng	1		0%	0													
																		3. Trụ xây gạch, trái vữa XM, quét vôi ve (0.4x0.4x2.1)x2	đồng/m ²	0,67		0%	0													
																		4. Cổng lưới B40 có khung thép (3x2.1m)	đồng/m ²	6,3		0%	0													
																		5. Tường rào xây gạch bó trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi ve, cao 1,6 m, dài 14,1 m	đồng/m ²	22,8		0%	0													
6. Tường rào xây gạch bó trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi ve, cao 1,8 m, dài 16,5 m	đồng/m ²																	29,7		0%	0															
																		7. Tường rào xây gạch bó trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi ve, cao 0,7 m, dài 77,0 m	đồng/m ²	53,9		0%	0													
																		8. Bể nước dáy đổ BTCT, thành bể xây gạch, không nắp dáy BTCT	đồng/m ²	4,08		0%	0													

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí (đồng)									
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHXĐ nguồn gốc đất								Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)				Đơn giá (đ/m2)		Kinh phí bồi thường về đất (đồng)		Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000)			Kinh phí hỗ trợ ăn đói sống (17.000đ/1kg)		Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất						
		Từ BD	Thửa	Diện Tích theo TBTH	Loại đất	Diện tích tiểu chuẩn tại thửa (m2)	Diện tích đất công ích của xã (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)																							
27	Đỗ Bá Mạnh; Đỗ Thị Bình	64	49	108,2	BHK	108,0	0,2	637,0	637,0	100,0%	12	6	80.000	50.960.000	152.880.000	36.720.000	240.560.000	1. Cây bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤20cm	đồng/cây	7			0	124.500.000	365.060.000						
		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	5	2.500.000	100%	12.500.000																								
		62	254	531,6	BHK	529,0	2,6											2. Cây bưởi DK góc 8cm ≤ DK ≤12cm	đồng/cây	5			0								
		- Vượt mật dỏ > 30%	đồng/cây	5	1.800.000	0%	0	1. Cây nhãn DK góc > 30cm	đồng/cây	21								- Trồng mật dỏ	đồng/m²	21	4.500.000	100%	94.500.000								
																		2. Cây bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	20											
		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	20	2.500.000	30%	15.000.000	1. Hoa lily	m²	972	200.000	100%	194.400.000	194.400.000	529.920.000																
28	Đỗ Đình Đình	64	69	977,5	BHK	972,0	5,5	972	972,0	100,0%	12	4	80.000	77.760.000	233.280.000	24.480.000	335.520.000	1. Cây nhãn DK góc > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	70											
29	Đỗ Khắc Năm (chết); Đỗ Thị Chuẩn	64	72	1957,6	BHK	1.944,0	13,6	2.342,0	2.342,0	100,0%	12	4	80.000	187.360.000	562.080.000	24.480.000	773.920.000	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	70	4.500.000	100%	315.000.000	402.000.000	1.175.920.000						
																		2. Cây bưởi DK > 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	20											
																		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	20	3.000.000	50%	30.000.000								
																		3. Cây hồng xiêm 12cm ≤ DK<20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	20											
																		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	20	850.000	50%	8.500.000								
																		4. Cây mít 15cm< DK ≤ 25 cm(cây trồng xen)	đồng/cây	10											
																		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	10	1.500.000	50%	7.500.000								
	5. Giếng khoan	Giếng	1		0%	0	6. Tường rào xây gạch bó trụ 220, tường xây 110, trát vữa XM, quét vôi ve, cao 2,5 m, dài 180 m	đồng/m²	90		0%	0																			
	Đỗ Khắc Năm (chết); Đỗ Thị Chuẩn (Nhân chuyển nhượng của bà Cảnh Kéo đã cũ giấy tờ)	64	96	402	BHK	398,0	4,0											773.920.000	7. Lán dề dỏ xây tường gạch 110 (7x4), cao 2,5m, mái lợp ngói	đồng/m²	28		0%	0							
																			1. Cây bưởi DK góc 8cm ≤ DK <12cm (cây trồng chính)	đồng/cây	15										
																			- Trồng mật dỏ	đồng/m²	15	1.800.000	100%	27.000.000							
																			2. Cây nhãn DK góc > 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	4										
																			- Trồng mật dỏ	đồng/cây	4	4.500.000	50%	9.000.000							
																			3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	50										
- Trồng mật dỏ																			đồng/khóm	50	200.000	50%	5.000.000								
30	Đỗ Thị Bảy	62	253	549,4	BHK	550,0	-0,6	550	1.781,0	30,9%	6	3	80.000	44.000.000	132.000.000	9.180.000	185.180.000	1. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	12											
																		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	12	3.850.000	100%	46.200.000								
																		2. Cây bưởi 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	15											
31	Đỗ Thanh Tùng (Nhân chuyển nhượng của Đỗ Thị Minh (Ngà) đã sang sủ)	62	242	1086,6	BHK	1.080,0	6,6	1.080	1.080,0	100,0%	12	3	80.000	86.400.000	259.200.000	18.360.000	363.960.000	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	15	2.500.000	50%	18.750.000	144.000.000	507.960.000						
																		1. Cây nhãn DK > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	26											
																		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	26	4.500.000	100%	117.000.000								
																		2. Cây bưởi 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	18			0								
																		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	18	2.500.000	50%	22.500.000								
																		3. Khóm chuối không có buồng (cây trồng xen)	đồng/khóm	20											
																		- Trồng mật dỏ	đồng/khóm	20	150.000	50%	1.500.000								
																		4. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	30											
																		- Trồng mật dỏ	đồng/khóm	30	200.000	50%	3.000.000								
																		5. Giếng khoan	Giếng	1		0%	0			6. Tường rào xây gạch bó trụ 220, tường xây 110, trát vữa XM, quét vôi ve, cao 0,4 m, dài 50 m	đồng/m²	20		0%	0
32	Đỗ Trọng Mạnh (Cuồng); Đỗ Thị Tiếp	64	70	977,7	BHK	972,0	5,7	972	972,0	100,0%	12	6	80.000	77.760.000	233.280.000	36.720.000	347.760.000	7. Tường rào xây gạch bó trụ 220, tường xây 110, trát vữa XM, quét vôi ve, cao 0,7 m, dài 20 m	đồng/m²	35		0%	0								
																		8. Bể nước dầy dỏ BTCT, thành bê xây gạch, không nắp dầy BTCT: (2mox3mx1.8m)	đồng/m³	6		0%	0	1. Hoa lily	đồng/m²	972	200.000	100%	194.400.000	194.400.000	542.160.000
																		Giếng khoan	Giếng	1		0%	0	Giếng khoan	Giếng	1		0%	0		
33	Đỗ Trọng Quấn; Đỗ Thị Hiền	64	77	738,2	BHK	720,0	18,2	720	720,0	100,0%	12	5	80.000	57.600.000	172.800.000	30.600.000	261.000.000	1. Cây nhãn DK>30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	25											
																		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	25	4.500.000	100%	112.500.000	125.000.000	386.000.000						
																		2. Cây bưởi 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	10											
		- Trồng mật dỏ	đồng/cây	10	2.500.000	50%	12.500.000																								
																		1. Nhân giống	đồng/cây	1080	180.000	100%	194.400.000								
		2. Cây nhãn DK>30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	35														- Trồng mật dỏ	đồng/cây	35	4.500.000	100%	157.500.000								

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí (đồng)
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHXĐ nguồn gốc đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng										
		Từ BD	Thửa	Diện Tích theo TĐTH	Loại đất	Diện tích tiểu chuẩn tại thửa (m2)	Diện tích đất công ích của xã (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Đơn giá (đ/m2)	Kinh phí bồi thường về đất (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000)	Kinh phí hỗ trợ ăn ở di dời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	
42	Đỗ Hữu Hòa, Trần Thị Ninh	62	266	1200,5	BHK	1.184,0	16,5	1.328,0	1705	77,9%	12	7	80.000	106.240.000	318.720.000	42.840.000	467.800.000	1. Cây nhãn DK góc > 30cm - Trong mặt đất 2. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm - Trong mặt đất 3. Cây bưởi 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen) - Trong mặt đất 4. Cây bưởi 8cm ≤ DK <12cm (cây trồng xen) - Trong mặt đất 5. Cây mít 15cm < DK ≤ 25cm (cây trồng xen) - Trong mặt đất 6. Khóm chuối không có buồng (cây trồng xen) - Trong mặt đất 7. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen) - Trong mặt đất 8. Giếng khoan 9. Tường rào xây gạch hỗ trợ 220, tường xây 110, trát vữa XM, quét vôi vè, dài 100mx0.5m 10. Tường rào xây gạch hỗ trợ 220, tường xây 110, trát vữa XM, quét vôi vè, dài 23mx1.8m 11. Tường rào xây gạch hỗ trợ 220, tường xây 110, trát vữa XM, quét vôi vè, dài 21mx1.8m 12. Cánh cổng (2.0x1.7m)x2 13. Cột bê tông, trát vữa XM, quét vôi vè: 30 cái (0.1x0.1x2.0m) 14. Lưới B40 không có khung thép (100x2m) 15. Bể nước dầy đá BTCT, thành bê xây gạch, có bể lọc (2.7x1.5x1.0m)	đồng/cây đồng/khóm đồng/cây 				

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí (đồng)				
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHXĐ nguồn gốc đất			Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Đơn giá (đ/m2)				Kinh phí bồi thường về đất (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000)	Kinh phí hỗ trợ ăn đói sáng (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)					
		Từ BD	Thừa	Diện Tích theo TĐTH	Loại đất	Diện tích tiêu chuẩn tại thửa (m2)																		Diện tích đất công ích của xã (m2)			
45	Đỗ Trọng Bền; Đỗ Thị Thao	64	320	648,7	BHK	648,0	0,7	1.314	1.314,0	100,0%	12	4	80.000	105.120.000	315.360.000	24.480.000	444.960.000	1. Cây buoi DK>20cm	đồng/cây	16						168.580.000	613.540.000
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	16	3.000.000	100%	48.000.000				
																		2. Cây nhãn DK góc > 30 cm (cây trồng xen)	đồng/cây	9							
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	9	4.500.000	50%	20.250.000				
		3. Cột bê tông, trát vữa XM, quét vôi vè: 27 cái (0.1x0.1x1.5m)	đồng/m³	0,405		0%	0																				
		1. Cây buoi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm	đồng/cây	35														0									
		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	25	2.500.000	100%	62.500.000																				
		- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	3	2.500.000	30%	2.250.000																				
		- Vượt mặt đỏ > 30%	đồng/cây	7	2.500.000	0%	0																				
		2. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	7																							
		- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	6	3.850.000	30%	6.930.000																				
		- Vượt mặt đỏ > 30%	đồng/cây	1	3.850.000	0%	0																				
3. Cây mít 25cm < DK≤ 40cm (cây trồng xen)	đồng/cây	1																									
- Vượt mặt đỏ > 30%	đồng/cây	1	2.000.000	0%	0																						
4. Xen canh cây dong (cây trồng xen)	đồng/m³	400	12.500	100%	5.000.000																						
46	Đỗ Trọng Gia; Nguyễn Thị Hằng	62	231	1980,7	BHK	1.980,0	1.980,0	1.980	1.980,0	100,0%	12	5	80.000	158.400.000	475.200.000	30.600.000	664.200.000	1. Cây buoi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm	đồng/cây	8						356.400.000	1.020.600.000
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	8	2.500.000	100%	20.000.000				
																		2. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	40							
																		- Trong mặt đỏ	đồng/khóm	40	200.000	30%	2.400.000				
		3. Xen canh cây dong (cây trồng xen)	đồng/m³	100	12.500	100%	1.250.000																				
		1. Nhân giống	đồng/m³	1980	180.000	100%	356.400.000																				
		2. Giếng khoan	Giếng	1		0%	0																				
		1. Cây buoi DK>20cm	đồng/cây	54														0									
		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	38	3.000.000	100%	114.000.000																				
		- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	5	3.000.000	30%	4.500.000																				
		- Vượt mặt đỏ > 30%	đồng/cây	11	3.000.000	0%	0																				
		2. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	7														0									
- Trong mặt đỏ	đồng/cây	7	3.850.000	30%	8.085.000																						
3. Giếng khoan	Giếng	1		0%	0																						
47	Nguyễn Thị Lạc (chết); con trai Đỗ Trọng Trường đại diện	64	316	803,7	BHK	756,0	47,7	756	2.088,0	36,2%	6	5	80.000	60.480.000	181.440.000	15.300.000	257.220.000	1. Cây buoi DK>20cm	đồng/cây	38	3.000.000	100%	114.000.000	126.585.000	383.805.000		
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	5	3.000.000	30%	4.500.000				
																		- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	11	3.000.000	0%	0				
																		- Trong mặt đỏ > 30%	đồng/cây	7						0	
		2. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	7																							
		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	7	3.850.000	30%	8.085.000																				
		3. Giếng khoan	Giếng	1		0%	0																				
		1. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm	đồng/cây	16														0									
		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	16	3.850.000	100%	61.600.000																				
		2. Cây buoi DK > 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	1														0									
		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	1	3.000.000	50%	1.500.000																				
		3. Cây buoi DK góc 8cm ≤ DK < 12cm (cây trồng xen)	đồng/cây	10														0									
- Trong mặt đỏ	đồng/cây	10	1.800.000	50%	9.000.000																						
4. Cây dong (cây trồng xen)	đồng/m³	600	12.500	100%	7.500.000																						
1. Cây buoi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm	đồng/cây	35				0																					
- Trong mặt đỏ	đồng/cây	32	2.500.000	100%	80.000.000																						
- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	1	2.500.000	30%	750.000																						
- Vượt mặt đỏ > 30%	đồng/cây	2	2.500.000	0%	0																						
2. Cây nhãn DK góc > 30 cm (cây trồng xen)	đồng/cây	5																									
- Trong mặt đỏ	đồng/cây	5	4.500.000	30%	6.750.000																						
3. Khóm chuối không có buồng (cây trồng xen)	đồng/khóm	30																									
- Vượt mặt đỏ	đồng/khóm	30	150.000	0%	0																						
4. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	60																									
- Vượt mặt đỏ	đồng/khóm	60	200.000	0%	0																						
5. Cây dong (cây trồng xen)	đồng/m³	360	12.500	100%	4.500.000																						
48	Trần Sỹ Canh (chết); Đỗ Thu Kéo	62	322	647,8	BHK	648,0	-0,2	1.512	1.512,0	100,0%	12	9	80.000	120.960.000	362.880.000	55.080.000	538.920.000	1. Cây buoi DK góc 12cm ≤ DK < 12cm	đồng/cây	15						196.500.000	735.420.000
																		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	11	1.800.000	100%	19.800.000				
																		- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	1	1.800.000	30%	540.000				
																		- Vượt mặt đỏ > 30%	đồng/cây	3	1.800.000	0%	0				
		2. Cây nhãn 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	2																							
		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	2	3.850.000	30%	2.310.000																				
		3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	50																							
		- Vượt mặt đỏ	đồng/cây	16	200.000	0%	0																				
		4. Cây dong (cây trồng xen)	đồng/m³	180	12.500	100%	2.250.000																				
		1. Nhân giống	đồng/m³	323	180.000	100%	58.140.000																				
		1. Cây nhãn DK góc > 30cm	đồng/cây	31														0									
		- Trong mặt đỏ	đồng/cây	29	4.500.000	100%	130.500.000																				
- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	1	4.500.000	30%	1.350.000																						
- Vượt mặt đỏ > 30%	đồng/cây	1	4.500.000	0%	0																						
49	Trần Sỹ Tri	64	325	324,3	BHK	323,0	1,3	323	323,0	100,0%	12	4	80.000	25.840.000	77.520.000	24.480.000	127.840.000	1. Nhân giống	đồng/m³	323	180.000	100%	58.140.000	58.140.000	185.980.000		
																		1. Cây nhãn DK góc > 30cm	đồng/cây	31						0	
	Nguyễn Đức Bách; Đỗ Thị Liên (nhân chuyên nhượng của bà Đỗ Thị Phương 720m2 tại thửa	62	552	720	BHK	720,0	0												1. Cây buoi DK góc 12cm ≤ DK < 12cm	đồng/cây	15				0		
																			- Trong mặt đỏ	đồng/cây	11	1.800.000	100%	19.800.000			
- Vượt mặt đỏ ≤ 30%	đồng/cây	1	1.800.000	30%	540.000																						
- Vượt mặt đỏ > 30%	đồng/cây	3	1.800.000	0%	0																						
2. Cây nhãn 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	2																									
- Trong mặt đỏ	đồng/cây	2	3.850.000	30%	2.310.000																						
3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	50																									
- Vượt mặt đỏ	đồng/cây	16	200.000	0%	0																						
4. Cây dong (cây trồng xen)	đồng/m³	180	12.500	100%	2.250.000																						

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí (đồng)		
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHXĐ nguồn gốc đất								Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								
		Từ BD	Thửa	Diện Tích theo TBTH	Loại đất	Diện tích tiêu chuẩn tại thửa (m2)	Diện tích đất công ích của xã (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Đơn giá (đ/m2)	Kinh phí bồi thường về đất (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000)	Kinh phí hỗ trợ ăn đói sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)		Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)
50	257/62 cũ đã sang sổ)																								
	Nguyễn Đức Bách; Đỗ Thị Liên (nhân chuyển nhượng của ô Tiến Bôn đã sang sổ)	64	309	376	BHK	348,0	28	1.068,0	1068	100,0%	12	2	80.000	85.440.000	256.320.000	12.240.000	354.000.000	2. Cây bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	10				0	204.655.000
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	10	2.500.000	30%	7.500.000			
																	1. Cây nhãn DK góc > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	10						
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	10	4.500.000	100%	45.000.000			
																	2. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	7						
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	4	3.850.000	100%	15.400.000			
																	- Vượt mật dỏ ≤ 30%	đồng/cây	1	3.850.000	30%	1.155.000			
																	- Vượt mật dỏ > 30%	đồng/cây	2	3.850.000	0%	0			
																	3. Cây bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	5						
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	5	2.500.000	30%	3.750.000			
																	1. Cây nhãn DK góc > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	4						
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	4	4.500.000	100%	18.000.000			
51	Trần Thị Sầu (nhân chuyển nhượng của Nguyễn Đức Long đã sang sổ)	64	842	479,6	BHK	432,0	47,6											2. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	16					
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	16	3.850.000	100%	61.600.000			
																	3. Cây bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	54						
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	48	2.500.000	50%	60.000.000			
																	- Vượt mật dỏ	đồng/cây	6	2.500.000	0%	0			
																	4. Giếng khoan	Giếng	2		0%	0			
																	5. Bể nước dầy dổ BTCT, thành bê xây gạch, không nắp dầy BTCT (1.2x2.4x1.2m)	đồng/m³	3,5		0%	0			
																	6. Cột bê tông, trái vữa XM, quét vôi vè: 33 cái (0.1x0.1x2.2m)	đồng/m³	0,73		0%	0			
																	7. Tường rào xây gạch bê trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (160x0.4m)	đồng/m²	64		0%	0			
																	8. Tường rào xây gạch bê trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (15x1.8m)	đồng/m²	27		0%	0			
																	9. Tường rào xây gạch bê trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (13x0.4m)	đồng/m²	5,2		0%	0			
																	10. Cổng thép mặt bụng tôn, khung thép hộp, lan sắt tường 12x12: (2m2m)x2	đồng/m²	8		0%	0			
52	Trần Sỹ Nghị; Nguyễn Thị Hà (nhân chuyển nhượng của Bùi Văn Chanh (chết); Đỗ Thị Dung đã sang sổ)	62	553	366,7	BHK	360,0	6,7											1. Cây bưởi DK góc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng chính)	đồng/cây	74				0	
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	74	2.500.000	100%	185.000.000			
																	2. Cây nhãn DK góc > 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	30						
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	30	4.500.000	50%	67.500.000			
																	3. Cây nhãn DK góc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	12				0		
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	12	3.850.000	50%	23.100.000			
																	4. Cây mít DK góc 25cm < DK ≤ 40cm	đồng/cây	2						
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	2	2.000.000	50%	2.000.000			
																	5. Giếng khoan	Giếng	2		0%				
																	6. Tường rào xây gạch bê trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (100x1.5m)	đồng/m²	150		0%				
																	7. Tường rào xây gạch bê trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (100x0.4m)	đồng/m²	40		0%				
																	8. Tường rào xây gạch bê trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (17.5x1.8m)	đồng/m²	31,5		0%				
53	Trần Sỹ Nghị; Nguyễn Thị Hà (nhân chuyển nhượng của Bùi Văn Dũng (Chết), Lê Thị Thu đã sang sổ)	62	553	1471	BHK	1.440,0	31	1.800,0	1800	100,0%	12	5	80.000	144.000.000	432.000.000	30.600.000	606.600.000	9. Tường rào xây gạch bê trụ 220, tường xây 110, trái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (14x1.8m)	đồng/m²	25,2		0%		126.550.000	380.638.000
																	10. Bể nước dầy dổ BTCT, thành bê xây gạch, không nắp dầy BTCT (2x3x2.2m)	đồng/m³	13,2		0%				
																	11. Kho: (2.0x3.0m), cao 2.2m, tường gạch dỏ 110	đồng/m²	6		0%				
																	12. Trụ xây gạch, trái vữa XM, quét vôi vè (0.4x0.4x2m)	đồng/m³	0,32		0%				
																	13. Cánh cổng (2.5x4x2.0m)x2	đồng/m²	10,16		0%				
																	1. Cây nhãn DK > 30cm	đồng/cây	17	4.500.000	100%	76.500.000			
																	2. Cây nhãn 20cm ≤ DK ≤ 30cm	đồng/cây	15						
																	- Trồng mật dỏ	đồng/cây	11	3.850.000	100%	42.350.000			
																	- Vượt mật dỏ ≤ 30%	đồng/cây	4	3.850.000	50%	7.700.000			
																		1. Nhân giống	m³	354	180.000	100%	63.720.000		
																		2. Giếng khoan	Giếng	1		0%	0		



STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích thu hồi					Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí (đồng)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHXĐ nguồn gốc đất								Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)					Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất							Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
		Từ BD	Thửa	Diện Tích theo TBTH	Loại đất	Diện tích tiêu chuẩn tại thửa (m2)	Diện tích đất công ích của xã (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						</

[illegible]

STT	Họ và tên	Thông tin thực địa thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số thửa hồi	Số thửa hồi hỗ trợ	Kính phí bồi thường, hỗ trợ di dời phần diện tích thu hồi				Kính phí bồi thường, hỗ trợ di dời cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kính phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	Tổng kính phí (đồng)	Ghi chú
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHSĐ nguồn gốc đất																				
		Tp. BD	Thửa	Diện Tích theo TĐTH	Loại đất	Diện tích thửa (m2)	Diện tích đất công ích của xã (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)				Tổng DT đất nông nghiệp (m2)												
30	Đỗ Khắc Năm (chết), Đỗ Thị Chuẩn	64	72	1957,6	ĐHK	1.944,0	13,6	2.342,6	2.342,6	100,0%	12	4	80.000	187.360.000	562.080.000	24.480.000	773.920.000	482.000.000	1.175.920.000	Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03	Số CCCD 33156003770		
	Đỗ Khắc Năm (chết), Đỗ Thị Chuẩn (Nhàn chuyển nhượng cho bà Phạm Kim Di có giấy ủy)	64	96	402	ĐHK	398,0	4,0													Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03			
31	Đỗ Thị Mỹ	62	253	549,4	ĐHK	550,0	-0,6	550	1.781,8	30,9%	6	3	80.000	44.000.000	132.000.000	9.180.000	185.180.000	64.950.000	250.130.000	Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03			
32	Đỗ Thanh Tùng (Nhàn chuyển nhượng của Đỗ Thị Minh (Ngôi đã sang sổ))	62	242	1086,6	ĐHK	1.080,0	6,6	1.080	1.080,6	100,0%	12	3	80.000	86.400.000	259.200.000	18.360.000	363.960.000	144.000.000	507.960.000	Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03	33090003397		
33	Đỗ Trọng Mạnh (Cường), Đỗ Thị Túp	64	70	977,7	ĐHK	972,0	5,7	972	972,8	100,0%	12	6	80.000	77.760.000	233.280.000	36.720.000	347.760.000	194.400.000	542.160.000	Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03	33065003456		
34	Đỗ Trọng Quốc, Đỗ Thị Hân	64	77	738,2	ĐHK	720,0	18,2	738	738,8	100,0%	12	5	80.000	57.600.000	172.800.000	30.600.000	261.000.000	125.000.000	386.000.000	Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03	33074000803		
35	Đỗ Trọng Thanh, Bùi Thị Hằng	62	234	2029,9	ĐHK	2.030,0	-0,1	2.030	2.030,8	100,0%	12	5	80.000	162.400.000	487.200.000	30.600.000	680.200.000	376.900.000	1.057.100.000	Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03	33065003298		
36	Bà Vũ Phương, Đỗ Thị Anh	62	250	1010,4	ĐHK	972,0	38,4	972	972,8	100,0%	12	7	80.000	77.760.000	233.280.000	42.840.000	353.880.000	162.500.000	516.380.000	Cây chuyển cần di dời được	Giáo theo NQ 03	33067004309		
37	Bà Văn Nhung, Lê Thị Việt	64	55	144,2	ĐHK	144,0	0,2	684,8	1844	65,5%	6	6	80.000	54.720.000	164.160.000	18.360.000	237.240.000	77.872.500	315.112.500	Cây lâu năm chuyển cần vượt mặt đất	Giáo theo NQ 03	33048001225		
		761	539,9	ĐHK	540,0	-0,1																		
38	Trần Sỹ Lộc, Lê Thị Tâm (Đã Bà Cường tham ruộng)	62	259	335,3	ĐHK	324,0	11,3	324	324,0	100,0%	12	3	80.000	25.920.000	77.760.000	18.360.000	122.040.000	58.320.000	180.360.000	Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03	33069004016		
XOM 7																								
39	Bà Văn Chanh (chết), mẹ Lê Thị Thuần được	64	307	300,9	ĐHK	288,0	12,9	288	288,0	100,0%	12	2	80.000	23.040.000	69.120.000	12.240.000	104.400.000	16.000.000	120.400.000	Cây trồng chính không di dời được	Giáo theo NQ 03	33150003179		

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số thửa đất hỗ trợ gao	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân định tích thu hồi				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân định tích thu hồi (đồng)	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BMYD nguồn gốc đất							Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân định tích thu hồi				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
		Từ BD	Thửa	Diện tích theo TĐTM	Loại đất	Diện tích thu chuẩn tại thửa (m2)	Diện tích đất công của xã (m2)	Tổng diện tích thửa đất (m2)			Tổng DT đất công nghiệp đang sử dụng (m2)	Đơn giá (đ/m2)	Kinh phí bồi thường và di dời (đồng)	Kinh phí bồi trợ chuyển đổi mục đích sử dụng (đồng)	Tổng kinh phí bồi trợ di dời và phân định tích thu hồi (đồng)	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số ảnh hưởng (%)			Thành tiền (đồng)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																

Nguồn gốc

Số CCCD

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03

Giáo theo NQ 03</

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số thửa đất bị thu hồi	Số nhân khẩu bị thu hồi	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân diện tích thu hồi				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân diện tích thu hồi	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
		Theo thông báo thu hồi		Theo BMYD nguồn gốc đất								Đơn giá (đ/m ²)	Kinh phí bồi thường và di dời (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x30.000)	Kinh phí hỗ trợ di dời (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời	Tỷ lệ cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số (%)			Thành tiền (đồng)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
		Từ BD	Thửa	Diện tích theo TĐTM	Loại đất	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất công ích của xã (m ²)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)																	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			</

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi						Tỷ lệ % thu hồi	Số thửa hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân định thửa đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng						Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	Ghi chú			
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BBXD nguồn gốc đất							Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời và phân định thửa đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng										
		Từ BB	Thửa	Diện Tích theo TĐTH	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích đất công ích của xã (m ²)				Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Đem gửi (đm ²)	Kinh phí bồi thường vì đất (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nhà (x/8.000)	Kinh phí hỗ trợ đào đắp đất (17.000/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng				Đơn giá (đồng)	Hệ số (%)
51	Trần Thị Súa	64	312	479,6	BHK	432,0	47,6								2. Cây nhãn DK gốc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	16		100%	61.600.000	139.600.000	481.240.000	Nguồn gốc		
														- Trong mặt đất	đồng/cây	16	3.850.000								
														3. Cây bưởi DK gốc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	54									
														- Trong mặt đất	đồng/cây	48	2.500.000	50%	60.000.000						
															- Vượt mặt đất	đồng/cây	6	2.500.000	0%	0				Giao theo NQ 03	
54	Trần Thị Súa (nhân chuyển nhượng của Đỗ Trọng Minh; Nguyễn Thị Hải đã sang số)	64	313	516	BHK	540,0	-24	972,0	972	100,0%	12	5	80.000	77.760.000	233.280.000	30.600.000	341.640.000								
															5. Bể nước dây dợ HTCT, thành bể xây gạch, không cấp dây HTCT (1,3x2,4x1,2m)	đồng/m ³	3,5		0%	0					
															6. Cột bê tông, trái vữa XM, quét vôi vè: 33 (40x0,1x0,1x2,2m)	đồng/m ³	0,73		0%	0					
															7. Tường rào xây gạch bê tông 220, tường xây 110, mái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (160x0,4m)	đồng/m ²	64		0%	0					
															8. Tường rào xây gạch bê tông 220, tường xây 110, mái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (15x1,8m)	đồng/m ²	27		0%	0					
															9. Tường rào xây gạch bê tông 220, tường xây 110, mái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (13x0,4m)	đồng/m ²	5,2		0%	0					
															10. Cống bê tông trung tâm, không thép bọc, lún sâu xuống 12x17 (20x20x12)	đồng/m ³	8		0%	0					
															1. Cây bưởi DK gốc 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng chính)	đồng/cây	74		100%	185.000.000	Giao theo NQ 03				
															- Trong mặt đất	đồng/cây	74	2.500.000							
															2. Cây nhãn DK gốc > 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	30								
															- Trong mặt đất	đồng/cây	30	4.500.000	50%	67.500.000					
															3. Cây nhãn DK gốc 20cm ≤ DK ≤ 30cm (cây trồng xen)	đồng/cây	12			0					
															- Trong mặt đất	đồng/cây	12	3.850.000	50%	23.100.000					
															4. Cây mít DK gốc 25cm < DK ≤ 40cm	đồng/cây	2								
															- Trong mặt đất	đồng/cây	2	2.000.000	50%	2.000.000					
															5. Giếng khoan	giếng	2		0%						
															6. Tường rào xây gạch bê tông 220, tường xây 110, mái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (100x1,2m)	đồng/m ²	150		0%						
															7. Tường rào xây gạch bê tông 220, tường xây 110, mái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (100x0,4m)	đồng/m ²	40		0%						
															8. Tường rào xây gạch bê tông 220, tường xây 110, mái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (17,5x1,8m)	đồng/m ²	31,5		0%						
															9. Tường rào xây gạch bê tông 220, tường xây 110, mái vữa XM, quét vôi vè, cao ≤ 2,5m: (14x1,8m)	đồng/m ²	25,2		0%						
															10. Hệ nước dây dợ HTCT, thành bể xây gạch, không cấp dây HTCT (2x2x2,2m)	đồng/m ³	13,2		0%						
															11. Kho (2,0x3,0m), cao 2,2m, tường gạch đỏ 110	đồng/m ²	6		0%						
															12. Tru xây gạch, trái vữa XM, quét vôi vè (0,4x0,4x2m)	đồng/m ³	0,32		0%						
															13. Cánh cổng (2,5x2,0m)x2	đồng/m ²	10,16		0%						
Xóm 8																									
55	Vũ Văn Lân, Lê Thị Thân	62	81	698,3	BHK	698,4	-0,1	698,4	950,4	73,5%	12	5	80.000	55.872.000	167.616.000	30.600.000	254.088.000					126.550.000	380.638.000	Cây chuyển canh vượt mặt đất	
															1. Cây nhãn DK > 30cm	đồng/cây	17	4.500.000	100%	76.500.000					
															- Trong mặt đất	đồng/cây	15								
															2. Cây nhãn 20cm < DK < 30cm	đồng/cây	11	3.850.000	100%	42.350.000					
Xóm 9																									
56	Nguyễn Đức Thanh, Đỗ Thị Duyên	64	300	360,1	BHK	360,1	0,0	360,1	360,1	100%	12	2	80.000	28.808.000	86.424.000	12.240.000	127.472.000					63.720.000	191.192.000	Quản Ngoại	
															1. Nhân giống	m ²	354	180.000	100%	63.720.000					
															2. Giếng khoan	giếng	1		0%	0					
58	Ngô Thị Thủy (Hải)	62	106	1339,1	BHK	1321,2	17,9	1.321,2	1.501,2	88,0%	12	1	80.000	105.696.000	317.088.000	6.120.000	428.904.000					121.250.000	550.154.000	Cây trồng chính không di dời	còn 1 thửa ở rừng
															1. Nhân DK > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	20			0					
															- Trong mặt đất	đồng/cây	20	4.500.000	100%	90.000.000					
															2. Cây bưởi DK 12cm ≤ DK ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	20			0					
															- Trong mặt đất	đồng/cây	20	2.500.000	50%	25.000.000					
59	Đỗ Bá An, Trương Thị Phú	62	112	1063,4	BHK	1080,0	-16,6							3. Lũ đọng	m ²	500,0	12.500	100%	6.250.000	324.000.000		1.139.880.000	k có ngoài để		
			111	743,7	BHK	756,0	-12,3								1. Nhân giống	m ²	1.800	180.000	100%					324.000.000	
															2. Giếng khoan	giếng	1		0%					0	
															1. Cây nhãn DK > 30cm	đồng/cây	4	4.500.000	100%					18.000.000	Cây chuyển canh vượt mặt đất
			212	364,8	BHK	360,0	4,8	2.196,0	2.196	100%	12	8	80.000	175.680.000	527.040.000	48.960.000	751.680.000								
															2. Cây nhãn 20cm < DK < 30cm	đồng/cây	20								
															- Trong mặt đất	đồng/cây	10	3.850.000	100%	38.500.000					
															- Vượt mặt đất > 30%	đồng/cây	4	3.850.000	50%	7.700.000					
															- Vượt mặt đất > 30%	đồng/cây	6	3.850.000	0%	0					
															1. Cây nhãn DK > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	17			0					
60	Đỗ Thị Thuận	62	134	545,1	BHK	540,0	5,1							- Trong mặt đất	đồng/cây	17	4.500.000	100%	76.500.000	90.850.000		1.139.880.000	k có ngoài để		
															2. Cây nhãn 20 cm < DK < 30 cm (cây trồng chính)	đồng/cây	3							0	
															- Trong mặt đất	đồng/cây	3	3.850.000	100%					11.550.000	
															3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	20							0	
															- Trong mặt đất	đồng/khóm	20	200.000	50%					2.000.000	
															1. Nhân giống	m ²	432,0	180.000	100%					77.760.000	

STT	Họ và tên	Thông tin thửa đất thu hồi							Tỷ lệ % thu hồi	Số thửa bị trợ	Số thửa khiếu nại trợ gọi	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với phần diện tích thu hồi				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng										Ghi chú	Nguồn gốc	Số CCCD																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
		Theo thông báo thu hồi đất		Theo BHXH nguồn gốc đất								Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với phần diện tích thu hồi				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
		Từ BD	Thửa	Diện Tích theo TĐTH	Loại đất	Diện tích thửa chuẩn tại thu (m2)	Diện tích đất công ích của xã (m2)	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m2)	Đơn giá (đ/m2)	Kinh phí bồi thường và di dời (đồng)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x300.000)	Kinh phí hỗ trợ di dời (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
																	5. Cây mủi 4 cm < DK ≤ 8 cm (cây trồng xen)	đồng/cây	5		0																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 01/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: **01** **Bùi Văn Hải; Nguyễn Thị Thúy**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và ĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô mã vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Bùi Văn Hải; Nguyễn Thị Thúy

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	4	BHK		1386,8	1386,8	Đất giao theo NQ 03
Tổng					1386,8	1386,8	
Tổng DTNN đang sử dụng					1778,2		
Tỷ lệ thu hồi					78,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	1.386,8	80.000	110.944.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	1.386,8	240.000	332.832.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	11	12	17.000	30	78,0%	67.320.000
Tổng (A)						511.096.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 4, tờ bản đồ số 62, diện tích 1386.8 m²						249.624.000	
	1. Nhân giống	đồng/m2	1386,8	180.000	100%	249.624.000		
	2. Giếng khoan	giếng	1		0%	0		
Tổng (B)							249.624.000	
Tổng cộng (A+B)							760.720.000	

Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 02 /PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 02 Đình Thị Duyên (Đỗ Đình Thỏa làm ruộng)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu;
- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu;
- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô tả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đình Thị Duyên (Đỗ Đình Thỏa làm ruộng)

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	3	BHK		1022	1022	Đất giao theo NQ 03
Tổng					1022	1022	
Tổng DTNN đang sử dụng					1022		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	1.022,0	80.000	81.760.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	1.022,0	240.000	245.280.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	5	12	17.000	30	100,0%	30.600.000
Tổng (A)						357.640.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 3, tờ bản đồ số 62, diện tích 1022 m²						183.960.000	
	1. Nhãn giống	đồng/m ²	1022	180.000	100%	183.960.000		
	2. Giếng khoan	giếng	1		0%	0		
Tổng (B)							183.960.000	
Tổng cộng (A+B)							541.600.000	

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 03/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 03 Đỗ Bá Phương

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;
- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;
- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVIC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mồ mã vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Bá Phụng

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	565	BHK		970,7	970,7	Đất giao theo NQ 03
Tổng					970,7	970,7	
Tổng DTNN đang sử dụng					970,7		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	970,7	80.000	77.656.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	970,7	240.000	232.968.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	2	12	17.000	30	100,0%	12.240.000
Tổng (A)						322.864.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 565, tờ bản đồ số 62, diện tích 970,7 m ²						139.500.000	
	1. Cây nhãn ĐK gốc > 30cm	đồng/cây	30					
	- Trong mật độ	đồng/cây	30	4.500.000	100%	135.000.000		
	2. Bưởi ĐK gốc 8cm ≤ ϕ ≤ 12cm (Cây trồng xen)	đồng/cây	5					

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	5	1.800.000	50%	4.500.000		
	3. Nhà 1 tầng bán kiên cố, tường chịu lực xây gạch 110, nền lót vữa XM, trát tường và quét vôi ve. Mái lợp fibrôximăng. Chiều cao tầng từ 3,1m ≤ h < 3,2m	m ²	30	1.967.000	0%	0		
	4. Lưới B40 có khung thép	đồng/m ³	180	176.800	0%	0		
	5. Cổng lưới B40 có khung thép	đồng/m ³	180	176.800	0%	0		
	6. Giếng khoan	giếng	1		0%	0		
Tổng (B)							139.500.000	
Tổng cộng (A+B)							462.364.000	

Bảng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi bốn ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 04/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 04 Đỗ Đình Hùng, Văn Thị Đông

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;
- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;
- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVIC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô tả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Đình Hùng, Văn Thị Đông

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	45	BHK		720	720	Đất giao theo NQ 03
2	62	301	BHK		576	576	Đất giao theo NQ 03
Tổng					1.296,0	1.296,0	
Tổng DTNN đang sử dụng					1.296,0		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	1.296,0	80.000	103.680.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	1.296,0	240.000	311.040.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	4	12	17.000	30	100,0%	24.480.000
Tổng (A)						439.200.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 45, tờ bản đồ số 62, diện tích 720 m ²						119.850.000	
	1. Nhân giống	đồng/m ²	360	180.000	100%	64.800.000		
	2. Nhân ĐK gốc > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	9					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	9	4.500.000	100%	40.500.000		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
	3. Nhãn ĐK gốc 20cm ≤ ϕ ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	3					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	3	3.850.000	100%	11.550.000		
	4. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm						
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	30	200.000	50%	3.000.000		
II	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 301, tờ bản đồ số 62, diện tích 576 m²						115.200.000	
	1. Hoa lily	đồng/m ²	576	200.000	100%	115.200.000		
Tổng (B)							235.050.000	
Tổng cộng (A+B)							674.250.000	

Sáu trăm bảy mươi tư triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 05/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỌ SỐ: 05 Đỗ Đình Hùng, Hồ Thị Ngân

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và ĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô mã vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà: **Đỗ Đình Hùng, Hồ Thị Ngân**

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	388	BHK		216	216	Đất giao theo NQ 03
2	4	8	BHK		1152,5	1152,5	Đất giao theo NQ 03
3	64	19	BHK		1152,5	1152,5	Đất giao theo NQ 03
Tổng					2.521,0	2.521,0	
Tổng DTNN đang sử dụng					2.521,0		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	2.521,0	80.000	201.680.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	2.521,0	240.000	605.040.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	7	12	17.000	30	100,0%	42.840.000
Tổng (A)						849.560.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 388, tờ bản đồ số 62, diện tích 216 m ²						38.500.000	
	1. Nhân giống	đồng/m2	11					
	- Trong mật độ	đồng/cây	9	3.850.000	100%	34.650.000		
	- Vượt mật độ ≤30%	đồng/cây	2	3.850.000	50%	3.850.000		
II	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4, diện tích 1152.5 m ²						235.875.000	
	1. Nhân ĐK gốc > 30cm	đồng/cây	46	4.500.000	100%	207.000.000		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
	2. Nhân ĐK gốc 20cm ≤ ϕ ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	8					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	7	3.850.000	100%	26.950.000		
	- Vượt mật độ ≤ 30%	đồng/cây	1	3.850.000	50%	1.925.000		
	3. Giếng khoan	giếng	1		0%	0		
III	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 19, tờ bản đồ số 64, diện tích 1152.5 m²						176.100.000	
	1. Nhân giống	đồng/m ²	34					
	- Trong mật độ	đồng/cây	34	4.500.000	100%	153.000.000		
	2. Nhân ĐK gốc 20cm ≤ ϕ ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	6					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	6	3.850.000	100%	23.100.000		
Tổng (B)							450.475.000	
Tổng cộng (A+B)							1.300.035.000	

Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm triệu, ba mươi lăm ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
 Số: 06 /PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 HỘ SỐ: 06 Đỗ Đình Ngọ (chết) (con Đỗ Đình Lợi thừa kế)

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
 trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô tả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Đình Ngo (chết) (con Đỗ Đình Lợi thừa kế)

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai**I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	53	BHK		655,8	655,8	Đất giao theo NQ 03
2	62	76	BHK		648	648	Đất giao theo NQ 03
Tổng					1.303,8	1.303,8	
Tổng DTNN đang sử dụng					1.303,8		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ**1. Bồi thường về đất.**

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	1.303,8	80.000	104.304.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	1.303,8	240.000	312.912.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	2	12	17.000	30	100,0%	12.240.000
Tổng (A)						429.456.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 53, tờ bản đồ số 62, diện tích 655,8 m ²						130.500.000	
	1. Nhãn giống	đồng/m ²	24					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	24	4.500.000	100%	108.000.000		
	2. Nhãn ĐK góc 12cm ≤ ϕ ≤ 20cm	đồng/cây	12					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	2	3.750.000	100%	7.500.000		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
	- Vượt mật độ ≤ 30%	đồng/cây	8	3.750.000	50%	15.000.000		
	- Vượt mật độ > 30%	đồng/cây	2	3.750.000	0%	0		
II	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 62, diện tích 648 m²						121.500.000	
	1. Nhãn ĐK gốc > 30cm	đồng/cây	28					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	26	4.500.000	100%	117.000.000		
	- Vượt mật độ ≤ 30%	đồng/cây	2	4.500.000	50%	4.500.000		
Tổng (B)							252.000.000	
Tổng cộng (A+B)							681.456.000	

Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi một triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 07/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 07 Đỗ Đình Ngữ; Lê Thị Nga

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô tả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Đình Ngữ; Lê Thị Nga

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	321	BHK		306	306	Đất giao theo NQ 03
Tổng					306	306	
Tổng DTNN đang sử dụng					306		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	306,0	80.000	24.480.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	306,0	240.000	73.440.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	3	12	17.000	30	100,0%	18.360.000
Tổng (A)						116.280.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 321, tờ bản đồ số 62, diện tích 306 m²						45.000.000	
	1. Nhân ĐK gốc > 30cm	đồng/cây	10					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	10	4.500.000	100%	45.000.000		
Tổng (B)							45.000.000	
Tổng cộng (A+B)							161.280.000	

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 08 /PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 08 Đỗ Đình Ngõn

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô tả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Đình Ngoãn

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	320	BHK		306	306	Đất giao theo NQ 03
Tổng					306,0	306,0	
Tổng DTNN đang sử dụng					306,0		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	306,0	80.000	24.480.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	306,0	240.000	73.440.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	3	12	17.000	30	100,0%	18.360.000
Tổng (A)						116.280.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 320, tờ bản đồ số 62, diện tích 306 m ²						59.850.000	
	1. Nhân ĐK gốc > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	22					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	12	4.500.000	100%	54.000.000		
	- Vượt mật độ ≤ 30%	đồng/cây	3	4.500.000	30%	4.050.000		
	- Vượt mật độ > 30%	đồng/cây	7	4.500.000	0%	0		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
	2. Mít ĐK gốc $15\text{cm} < \phi \leq 25\text{cm}$ (Cây trồng xen)	đồng/cây	6					
	- Trong mật độ $\leq 30\%$	đồng/cây	4	1.500.000	30%	1.800.000		
	- Vượt mật độ $\leq 30\%$	đồng/cây	2	1.500.000	0%	0		
	3. Ổi ĐK gốc $12\text{cm} \leq \phi \leq 20\text{cm}$ (cây trồng xen vượt mật độ)	đồng/khóm	1	600.000	0%	0		
	3. Giếng khoan	giếng	1		0%	0		
Tổng (B)							59.850.000	
Tổng cộng (A+B)							176.130.000	

Bảng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 09/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 09 Đỗ Khắc Hậu, Đỗ Thị Sáng

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mồ mả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Khắc Hậu, Đỗ Thị Sáng

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	146	BHK		2149,2	2149,2	Đất giao theo NQ 03
Tổng					2.149,2	2.149,2	
Tổng DTNN đang sử dụng					2.149,2		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	2.149,2	80.000	171.936.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	2.149,2	240.000	515.808.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	9	12	17.000	30	100,0%	55.080.000
Tổng (A)						742.824.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 146, tờ bản đồ số 62, diện tích 2149,2 m²						409.200.000	
	1. Hoa lily	đồng/m ²	1800	200.000	100%	360.000.000		
	2. Nhãn ĐK gốc 20cm ≤ ϕ ≤ 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	12					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	12	3.850.000	100%	46.200.000		
	2. Mít ĐK gốc 15cm < ϕ ≤ 25cm (Cây trồng xen)	đồng/cây	4					

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	4	1.500.000	50%	3.000.000		
	4. Cột bê tông, trát vữa XM, quét vôi ve	m ³	0,45	2.930.500	0%	0		
	5. Bể nước đáy đổ BTCT, thành xây gạch, không có nắp đáy BTCT	m ³	4	1.467.100	0%	0		
	6. Cổng sắt	m ²	5,4	199.400	0%	0		
	3. Giếng khoan	giếng	1	2.400.000	0%	0		
Tổng (B)							409.200.000	
Tổng cộng (A+B)							1.152.024.000	

Bảng chữ: Một tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, hai mươi bốn ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 10/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 10 Đỗ Khắc Phúc, Đỗ Thị Hạnh

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVIC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô tả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Khắc Phúc, Đỗ Thị Hạnh

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m²)	Tổng DT đất thu hồi (m²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	59	BHK		1684	1684	Đất giao theo NQ 03
Tổng					1.684,0	1.684,0	
Tổng DTNN đang sử dụng					1.684,0		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m²	1.684,0	80.000	134.720.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m²)	Thành tiền (đồng)
	m²	1.684,0	240.000	404.160.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	6	12	17.000	30	100,0%	36.720.000
Tổng (A)						575.600.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 59, tờ bản đồ số 62, diện tích 1684 m ²						282.400.000	
	1. Nhân giống	đồng/m ²	1080	180.000	100%	194.400.000		
	2. Nhân ĐK gốc > 30cm (cây trồng chính))	đồng/cây	14					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	14	4.500.000	100%	63.000.000		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
	3. Bưởi ĐK gốc $12\text{cm} \leq \phi < 20\text{cm}$ (cây trồng xen)	đồng/cây	20					
	- Trong mật độ $\leq 30\%$	đồng/cây	20	2.500.000	50%	25.000.000		
Tổng (B)							282.400.000	
Tổng cộng (A+B)							858.000.000	

Bằng chữ: Tám trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 11 /PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 11 Đỗ Đình Hưởng; Nguyễn Thị Nhung

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô tả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Đình Hưởng; Nguyễn Thị Nhung

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	300	BHK		480	480	Đất giao theo NQ 03
Tổng					480,0	480,0	
Tổng DTNN đang sử dụng					480,0		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	480,0	80.000	38.400.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	480,0	240.000	115.200.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	3	12	17.000	30	100,0%	18.360.000
Tổng (A)						171.960.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 300, tờ bản đồ số 62, diện tích 480 m²						42.000.000	
	1. Cam ĐK gốc 8cm ≤ ϕ ≤ 12cm (cây trồng chính)	đồng/cây	20					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	20	1.500.000	100%	30.000.000		
	2. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	135					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/khóm	120	200.000	50%	12.000.000		
	- Vượt mật độ	đồng/khóm	15	200.000	0%	0		
Tổng (B)							42.000.000	
Tổng cộng (A+B)							213.960.000	

Bằng chữ: Hai trăm mười ba triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 12/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 12 Đỗ Thị Mẫu

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mồ mả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Thị Mâu

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai**I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	64	10	BHK		1624,3	1624,3	Đất giao theo NQ 03
Tổng					1.624,3	1.624,3	
Tổng DTNN đang sử dụng					1.624,3		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ**1. Bồi thường về đất.**

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	1.624,3	80.000	129.944.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	1.624,3	240.000	389.832.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	4	12	17.000	30	100,0%	24.480.000
Tổng (A)						544.256.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 10, tờ bản đồ số 64, diện tích 1624,3 m²						274.500.000	
	1. Hoa lily	đồng/m ²	1260	200.000	100%	252.000.000		
	2. Nhãn ĐK gốc > 30cm	đồng/cây	5	4.500.000	100%	22.500.000		
	3. Giếng khoan	giếng	1		0%	0		
	4. Hàng rào xung quanh bằng dây thép gai	m ²	255		0%	0		
Tổng (B)							274.500.000	
Tổng cộng (A+B)							818.756.000	

Bằng chữ: Tám trăm mười tám triệu, bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng chẵn./.

Nguyễn Mạnh Cường

Lê Thị Ánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: /PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỌ SỐ: **13** **Đỗ Thị Miên (chết) (Đỗ Văn Hùng (con bà Miên) sử dụng đất)**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVIC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và ĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mô tả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà: **Đỗ Thị Miên (chết) (Đỗ Văn Hùng (con bà Miên) sử dụng đất)**

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	64	18	BHK		331,2	331,2	Đất giao theo NQ 03
Tổng					331,2	331,2	
Tổng DTNN đang sử dụng					331,2		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	331,2	80.000	26.496.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	331,2	240.000	79.488.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	0	12	17.000	30	100,0%	0
Tổng (A)						105.984.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 18, tờ bản đồ số 64, diện tích 331,2 m²						66.000.000	
	1. Nhân ĐK gốc > 30cm	đồng/cây	10	4.500.000				
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	10	4.500.000	100%	45.000.000		
	2. Bưởi ĐK gốc 12cm ≤ ϕ < 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	15					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	15	2.500.000	50%	18.750.000		
	3. Cây dong xen canh	m ²	180	12.500	100%	2.250.000		
Tổng (B)							66.000.000	
Tổng cộng (A+B)							171.984.000	

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng chẵn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 14/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỌ SỐ: 14 Đỗ Trọng Tấn

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVIC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mồ mả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Trọng Tấn

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai

I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	62	64	BHK		279	279	Đất giao theo NQ 03
Tổng					279	279	
Tổng DTNN đang sử dụng					279		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ

1. Bồi thường về đất.

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	279,0	80.000	22.320.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	279,0	240.000	66.960.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	5	12	17.000	30	100,0%	30.600.000
Tổng (A)						119.880.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 64, tờ bản đồ số 62, diện tích 279 m ²						50.220.000	
	1. Nhân giống	đồng/m2	279	180.000	100%	50.220.000		
Tổng (B)							50.220.000	
Tổng cộng (A+B)							170.100.000	

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu, một trăm ngàn đồng chẵn./.

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m²/Cây
-----	----------	-------------	------------	-------------------	--------------------------	----------------------	---------------------	--------

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU
Số: 15/PACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘ SỐ: 15 Đỗ Văn Vinh, Lê Thị Mừng

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
trên địa bàn xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 771 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 30 năm 2026 của UBND xã Khoái Châu)

Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ các Nghị định: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.
- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân golf Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ công văn số 235/UBND-HT ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ các công văn: số 599/SNNMT-KHTC ngày 27/01/2026; số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026; số 1034/SNNMT-KHTC ngày 13/02/2026; số 1043/SNNMT-KHTC ngày 16/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến khó khăn vướng mắc và tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Công văn số 946/SNNMT-KHTC ngày 11/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc ý tiếp tục hướng dẫn ý kiến về khó khăn vướng mắc cần giải quyết trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu;

- Căn cứ Chứng thư Định giá đất số: 405/2025/26/CTĐG-VNVIC ngày 11/11/2025 của Công ty CP TVĐT và TĐG Việt Nam làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Khoái Châu về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào nội dung biên bản xác minh về đất đai, cây trồng, hoa màu, mồ mả vật kiến trúc trên đất đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 và UBND xã Khoái Châu công nhận; trên cơ sở số liệu kiểm kê đo đạc xác định và tính hợp pháp về tài sản trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01 lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu phức hợp đô thị, du lịch sinh thái, sân gôn Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Chủ sử dụng đất

- Ông/bà:

Đỗ Văn Vinh, Lê Thị Mừng

- Số điện thoại:

- CCCD/ Số định danh cá nhân:

- Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Địa chỉ: Thôn Trung Châu, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

A. Về đất đai**I. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi**

STT	Theo trích lục			Xứ đồng	DT đất thu hồi (m ²)	Tổng DT đất thu hồi (m ²)	Nguồn gốc đất
	Số tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất				
1	64	5	BHK		1353,6	1353,6	Đất giao theo NQ 03
Tổng					1.353,6	1.353,6	
Tổng DTNN đang sử dụng					1.353,6		
Tỷ lệ thu hồi					100,0%		

II. Các khoản bồi thường, hỗ trợ**1. Bồi thường về đất.**

Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
BHK	m ²	1.353,6	80.000	108.288.000

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Đơn vị tính	Số lượng	Mức hỗ trợ (3*80.000 đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
	m ²	1.353,6	240.000	324.864.000

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	Số nhân khẩu hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (đồng/kg)	Số kg gạo/người/tháng	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất đang sử dụng	Thành tiền (đồng)
Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: - Diện tích bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 tháng. - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng.	7	12	17.000	30	100,0%	42.840.000
Tổng (A)						475.992.000

B. Về cây cối, tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
I	Tài sản, cây trồng trên thửa đất số 5, tờ bản đồ số 64, diện tích 1353,6 m²						161.920.000	
	1. Nhãn ĐK gốc > 30cm (cây trồng chính)	đồng/cây	20					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	20	4.500.000	100%	90.000.000		
	2. Bưởi ĐK gốc 12cm ≤ φ ≤ 20cm (cây trồng xen)	đồng/cây	20					
	- Trong mật độ ≤ 30%	đồng/cây	20	2.500.000	50%	25.000.000		

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mức bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng tiền (đồng)	m ² /Cây
	3. Khóm chuối có cây có buồng quả (cây trồng xen)	đồng/khóm	90					
	- Trong mật độ $\leq 30\%$	đồng/cây	90	200.000	50%	9.000.000		
	4. Khóm chuối không có buồng (cây trồng xen)	đồng/khóm	40					
	- Trong mật độ $\leq 30\%$	đồng/cây	40	150.000	50%	3.000.000		
	5. Giếng khoan	giếng	1		0%	0		
	6. Nuôi cá rô đồng (từ khi thả đến dưới 2 tháng)	m ²	360	97.000	100%	34.920.000		
	7. Kè bờ ao	m ³	108		0%	0		
	8. Lưới B40 có khung thép	m ²	76		0%	0		
Tổng (B)							161.920.000	
Tổng cộng (A+B)							637.912.000	

Bảng chữ: Sáu trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng chẵn./.